TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 131/2024/HNGĐ- ST Ngày: 02-8-2024 V/v Ly hôn và nuôi con chung	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hưng và ông Nguyễn Ngọc Khương.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn và nuôi con chung; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 168/2024/QĐST- HNGĐ ngày 18/7/2024 giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị C – Sinh năm 1991; Địa chỉ: Buôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* Bị đơn: Ông Hoàng Văn Q - Sinh năm 1984; Buôn Cư M, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đoàn Thị C trình bày có nội dung:

Bà Đoàn Thị C và ông Hoàng Văn Q tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 26/4/2017.

Quá trình chung sống, ông Q thường xuyên nhậu nhẹt và không chịu làm ăn nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi vã nhau, đến nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn

gắn được, mặc dù cả hai đã cố gắng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà C đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Văn Q.

Về con chung: Bà C và ông Q có 02 con chung là cháu Hoàng Phúc K – sinh ngày 04/6/2019 và cháu Hoàng Ngọc Như Q1 – Sinh ngày 25/3/2017. Hiện tại 02 con chung đang ở với bà C nên khi ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Hiện bà làm nghề buôn bán tự do, có nhà ở ổn định đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Hoàng Văn Q vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại điều 70, điều 71 BLTTDS; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70; Điều 72 BLTTDS.

-*Về nội dung:* Đề nghị căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị C được ly hôn ông Hoàng Văn Q.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hoàng Phúc K – sinh ngày 04/6/2019 và cháu Hoàng Ngọc Như Q1 – Sinh ngày 25/3/2017 cho bà Đoàn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đoàn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hoàng Văn Q được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Bà Đoàn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Đoàn Thị C phải chịu án phí ly hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Hoàng Văn Q cư trú tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà Đoàn Thị C xin ly hôn ông Hoàng Văn Q. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà C và Hoàng Văn Q tự nguyện chung sống có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 26/4/2017 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự; Nguyên đơn bà C xác định trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi vã nhau do ông Q thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, mặc dù đã cố gắng khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên bà C yêu cầu được ly hôn ông Q.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng bà C, ông Q có xảy ra mâu thuẫn do ông Q thường hay nhậu nhẹt, không chăm lo cho vợ con.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà C, ông Q đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Q đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần để tham gia phiên Tòa, hòa giải hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng ông Q vắng mặt, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông Hoàng Văn Q của bà Đoàn Thị C là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: ông Hoàng Văn Q của bà Đoàn Thị C có 02 con chung là cháu Hoàng Phúc K – sinh ngày 04/6/2019 và cháu Hoàng Ngọc Như Q1 – Sinh ngày 25/3/2017, hiện nay các con chung do bà C trực tiếp nuôi dưỡng, con chung cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, qua kết quả xác minh tại địa phương xác định hiện nay bà C làm nghề buôn bán tự do, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, để ổn định cuộc sống của các con chung nên cần giao các con chung cho bà Đoàn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Q được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

- Về tài sản chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện và phù hợp cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Đoàn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn Hoàng Văn Q không phải chịu tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị C được ly hôn ông Hoàng Văn Q.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Hoàng Phúc K – sinh ngày 04/6/2019 và cháu Hoàng Ngọc Như Q1 – Sinh ngày 25/3/2017 cho bà Đoàn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đoàn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hoàng Văn Q được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Đoàn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Đoàn Thị C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0009841 ngày 10/4/2024.

Ông Hoàng Văn Q không phải chịu án phí HNGĐST.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã EaKao
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

Nguyễn Thị Minh Nguyệt